

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/DS-ST.

Ngày: 29 - 11 - 2019.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Giang San.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 532/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: 266 – 268 N , phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc Q , sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ngân hàng A - Chi nhánh L , tổ 2, khu P , thị trấn L , huyện L , tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Hàn Minh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: F73, ấp 6, xã T , huyện L , Đồng Nai.

(Anh Q đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ngọc Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/4/2011, anh Hàn Minh T có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với hạn mức 30.000.000 đồng, để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 140.681.997 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 140.758.500 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, tạo điều kiện về mặt thời gian nhưng anh T vẫn không có thiện chí trả nợ còn lại. Do anh T vi phạm thanh toán nghĩa vụ được quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát

hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm ngày 16/8/2016 là 28.416.631 đồng sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền là 65.104.779 đồng, trong đó nợ gốc là 28.416.631 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 16/8/2016 đến 29/11/2019 là 36.688.148 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử trên dư nợ gốc với lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi anh T trả hết nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình anh T trả nợ.

- *Bị đơn anh Hàn Minh T* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai nhưng tại thời điểm đó anh T đã đi khỏi địa phương nên không tổng đạt được.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự và hợp đồng tín dụng, các Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng 2010, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/20146/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, do giao dịch này đang được thực hiện nhưng có nội dung không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết về nội dung tranh chấp của vụ án.

[3] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) ngày 08/4/2011 giữa Ngân hàng và anh T, các tài liệu chứng cứ có liên quan, việc anh T đã thanh toán cho Ngân hàng được một khoản tiền nên có cơ sở xác định Ngân hàng có mở thẻ tín dụng cho anh T với hạn mức 30.000.000 đồng là có thật. Về mục đích vay, lãi suất và phương thức thanh toán như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng như hợp đồng tín dụng. Xét nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 123, Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện các giao dịch

với tổng số tiền là 140.681.997 đồng, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 140.758.500. Kể từ ngày 16/8/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển số tiền 28.416.631 sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh T vẫn không thanh toán. Việc anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm thỏa thuận, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền là 65.104.779 đồng, trong đó nợ gốc là 28.416.631 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 16/8/2016 đến 29/11/2019 là 36.688.148 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử trên dư nợ gốc với lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi anh T trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Ngân hàng chỉ yêu cầu anh T trả nợ vì anh T vay tiền để tiêu xài cá nhân nên buộc anh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nêu trên.

[4] Về án phí: Ngân hàng không phải chịu, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng. Anh T phải chịu 3.255.000 đồng ($65.104.779 \times 5\%$).

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với anh Hàn Minh T. Buộc anh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 65.104.779 đồng, trong đó nợ gốc là 28.416.631 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 16/8/2016 đến ngày 29/11/2019 là 36.688.148 đồng.

Kể từ ngày 30/11/2019, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng A không phải chịu, trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.422.000 đồng theo biên lai thu số 0005464 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L . Anh T phải chịu 3.255.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS H.L ;
- TAND T.Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hoa